**SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẢNG NAM BẢNG ĐẶC TẢ KĨ THUẬT ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ II**

**MÔN: SINH HỌC LỚP 9 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 phút**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **CHỦ ĐỀ** | | **MỨC ĐỘ** | **MÔ TẢ** |
| **Ứng dụng di truyền học** | - Thoái hóa do tự thụ phấn và do giao phối gần | *Nhận biết:* | - Biểu hiện của hiện tượng thoái hóa.  - Biết được nguyên nhân của hiện tượng thoái hóa. |
| *Thông hiểu:* | - Giải thích cơ sở di truyền của hiện tượng thoái hóa. |
| - Ưu thế lai. | *Nhận biết:* | - Biểu hiện của hiện tượng ưu thế lai.  - Phương pháp tạo ưu thế lai và duy trì ưu thế lai. |
| *Thông hiểu:* | - Giải thích cơ sở di truyền của hiện tượng ưu thế lai.  - Giải thích vì sao không dùng con lai kinh tế để làm giống. |
| **Sinh vật và môi trường.** | - Môi trường và các nhân tố sinh thái. | *Nhận biết*: | - Khái niệm môi trường sống của sinh vật.  - Các nhân tố sinh thái, giới hạn sinh thái. |
| *Thông hiểu:* | - Hiểu được giới hạn sinh thái là gì? |
| *Vận dụng:* | - Mô tả được giới hạn sinh thái về nhiệt độ của một loài. |
| - Ảnh hưởng của ánh sáng và nhiệt độ lên đời sống sinh vật. | *Nhận biết*: | - Nhận biết được 2 nhóm thực vật và động vật thích nghi với điều kiện chiếu sáng khác nhau.  - Nhận biết 2 nhóm sinh vật biến nhiệt và hằng nhiệt.  - Ánh sáng và nhiệt độ đã ảnh hưởng đến hình thái và hoạt động sinh lí của sinh vật. |
| *Thông hiểu*: | - Giải thích ưu điểm của nhóm sinh vật hằng nhiệt. |
| - Mối quan hệ khác loài | *Nhận biết*: | - Nắm được đặc điểm các mối quan hệ cùng loài và khác loài. |
| *Thông hiểu*: | - Phân biệt được sự khác nhau của các mối quan hệ khác loài.  - Cho ví dụ về các mối qua hệ khác loài |
| *Vận dụng:* | - Vận dụng hiểu biết về mối quan hệ khác loài để làm tăng năng suất vật nuôi, cây trồng. |
| **Hệ sinh thái.** | - Quần thể | *Nhận biết:* | - Khái niệm quần thể sinh vật. Ví dụ.  - Các đặc trưng cơ bản của quần thể. Yếu tố ảnh hưởng đến cơ chế tự điều chỉnh số lượng cá thể của quần thể.  - Sự khác nhau giữa quần thể người với quần thể sinh vật khác.  - Thành phần nhóm tuổi của quần thể người. |
| *Thông hiểu:* | - Phân biệt được các dạng tháp tuổi ở quần thể.  - Giải thích được đặc trưng nào là quan trọng nhất trong các đặc trưng của quần thể sinh vật.. |
| *Vận dụng:* | - Vẽ tháp tuổi và nhận biết từng dạng tháp tuổi ở một số quần thể. |
| *Vận dụng cao:* | - Phân tích sự điều chỉnh mật độ quần thể quanh mức cân bằng. |
| - Quần xã sinh vật. | *Nhận biết:* | - Khái niệm quần xã. Ví dụ.  - Những dấu hiệu điển hình của quần xã. |
| *Thông hiểu:* | - Phân biệt quần thể và quần xã. |
| - Hệ sinh thái. | *Nhận biết:* | - Khái niệm hệ sinh thái.  - Biết được các thành phần chủ yếu của hệ sinh thái. |
| *Thông hiểu:* | - Phân biệt được chuỗi thức ăn và lưới thức ăn. |
| *Vận dụng:* | - Viết được chuỗi thức ăn.  - Liệt kê được thành phần của lưới thức ăn cụ thể. |
|  |  | *Vận dụng cao:* | - Xác định được bậc tiêu thụ và bậc dinh dưỡng của các loài trong lưới thức ăn. |
| **Con người, dân số và môi trường.** | - Ô nhiễm môi trường. | *Nhận biết:* | - Khái niệm ô nhiễm môi trường.  - Các tác nhân chủ yếu gây ô nhiễm môi trường. |
| *Thông hiểu:* | - Các biện pháp hạn chế ô nhiễm môi tường nước, không khí….. |

(50% Trắc nghiệm: 50% tự luận. Các mức độ: 50% Biết – 30% Hiểu – 20% Vận dụng)